NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2012/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), tổ chức tín dụng khác đối với các tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, tác động đến sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả do sự cố nghiêm trọng khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc của khoản cho vay đặc biệt

1. Khoản cho vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của tổ chức tín dụng, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm.

2. Tổ chức tín dụng chỉ được sử dụng khoản cho vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của người gửi tiền là cá nhân tại tổ chức tín dụng. Việc sử dụng khoản cho vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của các đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

3. Nghiêm cấm tổ chức tín dụng sử dụng khoản cho vay đặc biệt này để chi trả tiền gửi của người có liên quan của tổ chức tín dụng theo quy định tại Khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt

Ngân hàng Nhà nước quyết định khoản cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 5. Thẩm quyền ký văn bản đề nghị cho vay đặc biệt

Thẩm quyền ký các văn bản đề nghị cho vay đặc biệt của tổ chức tín dụng là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều 12 Luật Các tổ chức tín dụng.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền và nghĩa vụ, việc ký các văn bản này sẽ do người đại diện tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt thực hiện.

Điều 6. Trình tự xem xét cho vay đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt gửi 04 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ).

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) để cho ý kiến.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến về tình hình hoạt động, thanh khoản và đề nghị vay vốn của tổ chức tín dụng;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến về tình hình hoạt động, thanh khoản và đề nghị vay vốn của tổ chức tín dụng (trừ trường hợp quy định tại mục 2 Chương II Thông tư này);

c) Vụ Tín dụng có ý kiến về đề nghị vay vốn của tổ chức tín dụng.

4. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt và ý kiến của các đơn vị liên quan, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các đơn vị, Vụ Chính sách tiền tệ trình Thống đốc xem xét, quyết định:

a) Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, trường hợp này, Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định cho vay đặc biệt theo quy định tại Điều 7 Thông tư này; hoặc

b) Chỉ định tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng. Trường hợp này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chỉ định tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt. Văn bản chỉ định gồm các nội dung cơ bản sau: tên tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt; tên tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt; mức cho vay; thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng đề nghị vay; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng cho vay.

Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước chỉ định cho vay đặc biệt thực hiện ký kết hợp đồng cho vay đặc biệt với tổ chức tín dụng đề nghị vay. Hợp đồng cho vay đặc biệt phải phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các quy định của pháp luật có liên quan và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 02 bản chuyển cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ 01 bản, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố 01 bản).

5. Trường hợp không cho vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định cho vay đặc biệt. Quyết định cho vay đặc biệt được lập thành 05 bản, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) giữ 04 bản và tổ chức tín dụng đề nghị vay giữ 01 bản.

2. Quyết định cho vay đặc biệt bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên tổ chức tín dụng được cho vay đặc biệt;

b) Mức cho vay, lãi suất vay;

c) Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, thời hạn giải ngân;

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;

e) Chấm dứt cho vay.

3. Căn cứ Quyết định cho vay đặc biệt và các quy định tại Thông tư này, Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện giải ngân khoản vay, theo dõi và thu hồi nợ vay.

Điều 8. Mức cho vay

Ngân hàng Nhà nước quyết định mức cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở mất khả năng chi trả của tổ chức tín dụng.

Điều 9. Thu nợ và xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt mà tổ chức tín dụng không trả nợ đúng hạn

1. Khi có nguồn trả nợ, tổ chức tín dụng chủ động trả nợ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng cho vay kể cả trường hợp các khoản vay chưa đến thời hạn trả nợ.

2. Đến thời hạn trả nợ, tổ chức tín dụng có trách nhiệm hoàn trả nợ đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng cho vay.

3. Dư nợ khoản vay đặc biệt không hoàn trả đúng hạn sẽ được Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng cho vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày quá hạn.

4. Tổ chức tín dụng không trả được nợ gốc và lãi khi đến thời hạn trả nợ, Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng cho vay đề nghị Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp sau đây để thu hồi nợ gốc và lãi:

a) Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước để thu nợ;

b) Từ các nguồn khác của tổ chức tín dụng.

5. Khoản cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Chấm dứt khoản cho vay đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi của khoản cho vay đặc biệt.

2. Theo đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt trường hợp cho vay đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng.

3. Khoản cho vay đặc biệt được chuyển đổi thành vốn góp, vốn cổ phần của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác tại tổ chức tín dụng.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÂM VÀO TÌNH TRẠNG MẤT KHẢ NĂNG CHI TRẢ, ĐE DỌA SỰ ỔN ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 11. Điều kiện cho vay đặc biệt

Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức tín dụng khác phải có đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt

1. Giấy đề nghị cho vay đặc biệt.

2. Bảng cân đối tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng đến ngày đề nghị vay.

3. Văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt đề nghị cho tổ chức tín dụng được vay đặc biệt.

4. Báo cáo khả năng chi trả; các biện pháp đã áp dụng của tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng chi trả và thực trạng của tổ chức tín dụng đến ngày đề nghị vay có xác nhận của Ban kiểm soát đặc biệt.

5. Bảng kê các khoản tiền gửi đến hạn trong 10 ngày tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay.

6. Kế hoạch chi trả tiền gửi.

7. Kế hoạch, phương án trả nợ vay.

8. Bản cam kết của tổ chức tín dụng về việc sử dụng tiền vay đúng mục đích và trả nợ vay đúng thời hạn.

Điều 13. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại Quyết định cho vay đặc biệt đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay, tại Hợp đồng cho vay đặc biệt đối với trường hợp tổ chức tín dụng khác cho vay.

Điều 14. Thời hạn cho vay

1. Căn cứ vào đề nghị của tổ chức tín dụng, tình hình khả năng chi trả thực tế của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước quyết định thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ trong từng trường hợp cụ thể, nhưng thời hạn cho vay tối đa là 2 năm. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ trùng vào ngày nghỉ, nghỉ lễ thì thời hạn vay được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo.

2. Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét gia hạn khoản cho vay đặc biệt trên cơ sở tình hình khả năng chi trả thực tế của tổ chức tín dụng, nhưng thời gian gia hạn từng lần không vượt quá thời hạn cho vay lần đầu.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn khoản vay đặc biệt

Khi có nhu cầu đề nghị gia hạn khoản vay, trong thời hạn tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ, tổ chức tín dụng phải gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ), bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ lý do đề nghị gia hạn);

b) Các tài liệu quy định tại Khoản 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 12 Thông tư này cập nhật đến ngày đề nghị gia hạn.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ gia hạn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản quyết định gia hạn khoản vay cho tổ chức tín dụng hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng cho vay gia hạn khoản vay.

Trường hợp không gia hạn khoản vay, Ngân hàng Nhà nước có văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2
CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG CÓ NGUY CƠ MẤT KHẢ NĂNG CHI TRẢ DO SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG

Điều 15. Điều kiện cho vay

Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức tín dụng khác phải có đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả do các sự cố nghiêm trọng.

2. Tổ chức tín dụng không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt

1. Giấy đề nghị cho vay đặc biệt.

2. Bảng cân đối tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng đến ngày đề nghị vay.

3. Văn bản đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

4. Báo cáo khả năng chi trả, các biện pháp đã áp dụng của tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng chi trả và thực trạng của tổ chức tín dụng đến ngày đề nghị vay có xác nhận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

5. Bảng kê các khoản tiền gửi đến hạn trong 10 ngày tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay.

6. Kế hoạch chi trả tiền gửi.

7. Kế hoạch, phương án trả nợ vay.

8. Bản cam kết của tổ chức tín dụng về việc sử dụng tiền vay đúng mục đích và trả nợ vay đúng thời hạn.

Điều 17. Lãi suất vay

1. Lãi suất cho vay là lãi suất tái cấp vốn được Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại Quyết định cho vay đặc biệt đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng vay hoặc Hợp đồng cho vay đặc biệt đối với trường hợp tổ chức tín dụng khác cho tổ chức tín dụng vay.

Điều 18. Thời hạn cho vay

1. Căn cứ vào đề nghị của tổ chức tín dụng, tình hình khả năng chi trả thực tế của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước quyết định thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ trong từng trường hợp cụ thể, nhưng thời hạn cho vay tối đa là dưới 1 năm. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ trùng vào ngày nghỉ, nghỉ lễ thì thời hạn cho vay được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo.

2. Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét gia hạn khoản cho vay đặc biệt trên cơ sở tình hình khả năng chi trả thực tế của tổ chức tín dụng, nhưng thời gian gia hạn từng lần không vượt quá thời hạn cho vay lần đầu và tổng thời hạn cho vay và gia hạn nợ không quá 2 năm.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn khoản vay đặc biệt

Khi có nhu cầu đề nghị gia hạn khoản vay, trong thời hạn tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ, tổ chức tín dụng phải gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ), bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ lý do đề nghị gia hạn);

b) Các tài liệu quy định tại Khoản 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 16 Thông tư này cập nhật đến ngày đề nghị gia hạn.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ gia hạn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản quyết định gia hạn khoản vay cho tổ chức tín dụng hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng cho vay gia hạn khoản vay.

Trường hợp không gia hạn khoản vay, Ngân hàng Nhà nước có văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng đề nghị vay

1. Thực hiện các cam kết trong hồ sơ vay vốn, sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đúng hạn.

2. Định kỳ hàng tuần hoặc khi cần thiết, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình khả năng chi trả, tình hình sử dụng khoản cho vay đặc biệt và việc trả nợ đối với khoản cho vay đặc biệt.

3. Có phương án và biện pháp cụ thể để hoàn trả nợ vay đúng thời hạn.

4. Thực hiện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng cho vay

1. Định kỳ hàng tuần hoặc khi cần thiết, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay, tình hình trả nợ của tổ chức tín dụng.

2. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay đặc biệt theo quy định của pháp luật.

3. Theo dõi việc sử dụng vốn vay của tổ chức tín dụng đề nghị vay.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý đề nghị cho vay đặc biệt và gia hạn cho vay đặc biệt, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định;

b) Làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trình Thống đốc quyết định tổ chức tín dụng khác cho tổ chức tín dụng vay đặc biệt;

c) Chuyển hồ sơ cho vay đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt tới Sở giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng Nhà nước chỉ định cho vay để thực hiện cho vay;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện cho vay đặc biệt từ Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và tổ chức tín dụng khác để báo cáo Thống đốc;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay, thu hồi nợ cho vay.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị cho vay đặc biệt và gia hạn cho vay đặc biệt, xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc xử lý các trường hợp vi phạm tại Thông tư này;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan trình Thống đốc biện pháp xử lý đối với trường hợp tổ chức tín dụng không hoàn trả được khoản vay đặc biệt;

đ) Theo dõi, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước diễn biến, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng đề nghị vay.

3. Vụ Tín dụng

Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị cho vay đặc biệt và gia hạn cho vay đặc biệt, xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay.

4. Vụ Tài chính - Kế toán

Hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán liên quan đến nghiệp vụ cho vay đặc biệt.

5. Sở giao dịch

a) Thực hiện giải ngân khoản vay; theo dõi, đôn đốc và thu hồi nợ căn cứ vào Quyết định cho vay đặc biệt;

b) Định kỳ hàng tuần tổng hợp các thông tin, số liệu về khoản cho vay đặc biệt phát sinh tại Sở giao dịch gửi Vụ Chính sách tiền tệ để tổng hợp, báo cáo Thống đốc;

c) Kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc cho vay, thu hồi nợ vay và đề xuất biện pháp xử lý.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, xử lý đề nghị cho vay đặc biệt và gia hạn khoản cho vay đặc biệt;

b) Thực hiện giải ngân khoản vay; theo dõi, đôn đốc và thu hồi nợ căn cứ vào Quyết định cho vay đặc biệt;

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và các khoản thu tại các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ vay;

d) Kiến nghị Thống đốc xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc cho vay, thu hồi nợ vay và đề xuất biện pháp xử lý;

đ) Định kỳ hàng tuần tổng hợp các thông tin, số liệu về khoản cho vay đặc biệt phát sinh tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi Vụ Chính sách tiền tệ để tổng hợp, báo cáo Thống đốc.

7. Ban kiểm soát đặc biệt

a) Đề xuất, kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt và chấm dứt khoản cho vay đặc biệt trường hợp cho

vay các tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng;

b) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và các khoản thu của các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn thu nợ của Ngân hàng Nhà nước trường hợp cho vay các tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khoản cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác đối với các tổ chức tín dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo Quyết định cho vay đặc biệt hoặc hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký cho đến khi Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác thu hồi hết nợ gốc và lãi. Các Quyết định cho vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt nêu trên được sửa đổi, bổ sung nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chuyển các khoản cho vay lại theo hồ sơ tín dụng của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ khả năng thanh khoản cho tổ chức tín dụng thành các khoản cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012. Bãi bỏ Quyết định số 18/1998/QĐ-NHNN1 ngày 01/9/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cho vay thu nợ từ quỹ cho vay hỗ trợ các tổ chức tín dụng cổ phần và Quyết định số 18/1999/QĐ-NHNN1-Tym ngày 11/11/1999 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/1998/QĐ-NHNN1 ngày 01/9/1998.

2. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến